

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HS-ST
Ngày: 12-9-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thanh Tùng;
2. Ông Lê Thành Đông.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Đệ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 42/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Võ Hoàng D, sinh năm 1997 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: khu phố A, Phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Võ Thanh P, sinh năm 1973 và bà Lê Thị Diễm C, sinh năm 1976; Vợ, con: chưa có; Tiền án: Tại Bản án số 113/2020/HSST ngày 21/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/05/2022); Tiền sự: không; Nhân thân: tại Bản án số 05/2024/HS-PT ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 10 (mười) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 27/QĐ-XPHC ngày 12/3/2020 của Công an Phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 42/QĐ-XPHC ngày 23/4/2020 của Công an Phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 46/QĐ-XPHC ngày 04/5/2020 của Công an Phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng về hành vi “Sử dụng trái

phép chất ma túy”; Bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Bến Giá - Bộ Công an từ ngày 14/3/2024 cho đến nay. (Có mặt)

** Bị hại:*

- Ông Trần Mẫn Đ, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1968 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp T1, xã P, huyện C1, tỉnh Bến Tre.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Võ Thanh P, sinh năm 1973 (Có mặt);

- Bà Lê Thị Diễm C, sinh năm 1976 (Có mặt);

Cùng nơi cư trú: khu phố A, Phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

** Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp B, xã P1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Ông Trương Tấn T, sinh năm 1975 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 17/12/2023 đến ngày 29/12/2023, bị cáo Võ Hoàng D là người bị kết án về “Tội trộm cắp tài sản” nhưng chưa được xóa án tích, đã thực hiện nhiều hành vi trộm cắp tài sản của người khác trên địa bàn huyện G và huyện C1, tỉnh Bến Tre để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể:

Vụ thứ nhất: khoảng 17 giờ 30 phút ngày 17/12/2023, bị cáo D mượn xe mô tô biển số 71F5-8797 của ông Võ Thanh P (cha của bị cáo), điều khiển lưu thông trên các tuyến đường từ thành phố B, tỉnh Bến Tre đến huyện G, tỉnh Bến Tre để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre thì phát hiện tiệm tạp hóa của bị hại ông Trần Mẫn Đ không có người trông coi nên bị cáo D quay xe lại, dừng xe trên lộ nhựa, rồi vào trong tiệm lén lút lấy 01 (một) máy cắt cầm tay nhãn hiệu PM1969, màu xám. Sau đó, bị cáo D đem máy cắt này gửi tại nhà ông Nguyễn Thanh S ở ấp B, xã P1, thành phố B, tỉnh Bến Tre (ông S không biết tài sản do bị cáo trộm cắp mà có).

Vật chứng tạm giữ: ông S giao nộp 01 (một) máy cắt nhãn hiệu PM1969, màu xám, đã trả lại cho bị hại ông Đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐG ngày 24/4/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện G kết luận 01 (một) máy cắt, nhãn hiệu PM1969, màu xám, đã qua sử dụng, mua cũ tháng 01/2022, thời điểm định giá ngày 17/12/2023, giá trị là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

Vụ thứ hai: khoảng 20 giờ 00 phút ngày 18/12/2023, bị cáo D điều khiển xe mô tô biển số 71F5-8797 lưu thông trên các tuyến đường từ thành phố B, tỉnh Bến Tre đến huyện G, tỉnh Bến Tre để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre thì phát hiện tiệm tạp hóa của bị hại ông Đ không có người trông coi nên bị cáo quay xe lại, dừng xe trên lộ nhựa, rồi tiếp tục vào trong tiệm lén lút lấy 01 (một) máy cắt nhãn hiệu KENMAX, màu đỏ. Sau đó, bị cáo D đem máy cắt này gửi tại nhà ông S (ông S không biết tài sản do bị cáo trộm cắp mà có).

Vật chứng tạm giữ: ông S giao nộp 01 (một) máy cắt nhãn hiệu KENMAX, màu đỏ, đã trả lại cho bị hại ông Đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐG ngày 24/4/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện G kết luận 01 (một) máy cắt cây, nhãn hiệu KENMAX (không có lưỡi cắt, màu đỏ), mua mới tháng 02/2023, chưa sử dụng, thời điểm định giá ngày 18/12/2023, giá trị là 2.200.000 (hai triệu hai trăm nghìn) đồng.

Vụ thứ ba: khoảng 10 giờ 00 phút ngày 23/12/2023, bị cáo D điều khiển xe mô tô biển số 71F5-8797 lưu thông trên các tuyến đường huyện C1, tỉnh Bến Tre tìm tài sản trộm cắp. Khi đến ấp T1, xã P, huyện C1, tỉnh Bến Tre thì bị cáo D phát hiện tiệm tạp hóa của bị hại bà Nguyễn Thị H không có người trông coi nên bị cáo dừng xe trên lộ, rồi lén lút đi vào bên trong tiệm lấy 01 (một) thùng sữa nhãn hiệu Vinamilk (48 bịch x 220 ml) và 01 (một) thùng bia nhãn hiệu Saigon Lager (24 lon x 330 ml) đem ra để lên xe rồi nổ máy tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát thì bị cáo D bị lực lượng Công an xã P, huyện C1, tỉnh Bến Tre truy đuổi, đến ấp A1, xã Đ1, thành phố B, tỉnh Bến Tre thì bị cáo D vớt tài sản trộm được xuống đường rồi tẩu thoát.

Vật chứng: 01 (một) thùng bia và 01 (một) thùng sữa do bị cáo D quăng bỏ xuống đường bị các phương tiện lưu thông cán làm hư hỏng nên không thu giữ được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 286/KL-HĐĐG ngày 28/02/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện C1 kết luận 01 (một) thùng sữa dinh dưỡng có đường nhãn hiệu Vinamilk (48 bịch x 220 ml), tài sản không thu hồi được, thời điểm định giá ngày 23/12/2023, giá trị là 320.000 đồng; 01 (một) thùng bia nhãn hiệu Saigon lager (24lon x 330 ml), tài sản không thu hồi được, thời điểm định giá 23/12/2023, giá trị là 250.000 đồng. Tổng cộng giá trị là 570.000 (năm trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Vụ thứ tư: khoảng 10 giờ 00 phút ngày 29/12/2023, bị cáo D điều khiển xe mô tô biển số 71F5-8797 lưu thông trên các tuyến đường từ thành phố B, tỉnh Bến Tre đến huyện G, tỉnh Bến Tre tìm tài sản trộm cắp. Khi đến ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre thì bị cáo D phát hiện tiệm tạp hóa của bị hại bà Lê Thị L không có người trông coi nên bị cáo quay xe lại, dừng xe trên lộ, rồi vào trong tiệm lấy trộm 03 (ba) thùng bia nhãn

hiệu Tiger, loại 24 lon. Sau đó, bị cáo D đem 03 (ba) thùng bia này bán cho ông Trương Tấn T ở ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre được 900.000 (chín trăm nghìn) đồng (ông T không biết tài sản do bị cáo trộm cắp mà có).

Vật chứng thu giữ:

- 03 (ba) thùng bia nhãn hiệu Tiger, loại 24 lon x 330ml: đã giao trả cho bị hại bà L.

- 01 (một) áo sơ mi tay dài, sọc caro màu hồng đỏ; 01 (một) quần “sọt” vải Jean, màu xanh trắng; 01 (một) mũ bảo hiểm màu xám đen; 01 (một) khẩu trang y tế màu xanh (đã qua sử dụng); 01 (một) đôi dép bằng nhựa màu đỏ - đen là trang phục bị cáo D sử dụng trộm cắp tài sản: đang tạm giữ.

- 01 (một) xe mô tô biển số 71F5-8797: đang tạm giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 11/3/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện G kết luận 03 (ba) thùng bia nhãn hiệu Tiger, loại 24 lon x 330ml, còn nguyên vẹn, hạn sử dụng đến ngày 13/9/2024, giá trị là 350.000 đồng/thùng, thành tiền là 03 x 350.000 đồng = 1.050.000 (một triệu không trăm năm trăm nghìn) đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo D khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên; lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, lời khai người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thu thập.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại ông Đ và bà L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo D bồi thường; bị hại bà H yêu cầu bị cáo bồi thường với số tiền là 570.000 (năm trăm bảy trăm nghìn) đồng, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong cho bị hại bà H; ông T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền là 900.000 (chín trăm nghìn) đồng, bị cáo đã tác động gia đình trả lại số tiền này cho ông T.

Tại Bản cáo trạng số 39/CT-VKSGT ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo D về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về trách nhiệm hình sự: áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo D có mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù. Hình phạt bổ sung: không.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với Bản án số 05/2024/HS-PT ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, buộc bị cáo D chấp hành hình phạt chung của hai Bản án.

- Về trách nhiệm dân sự:

Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận: các bị hại ông Đ và bà L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo D bồi thường; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong cho bị hại bà H với số tiền là 570.000 (năm trăm bảy mươi nghìn) đồng và đã tác động gia đình trả lại số tiền là 900.000 (chín trăm nghìn) đồng cho ông T.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) áo sơ mi tay dài, sọc caro màu hồng đỏ; 01 (một) quần “sọt” vải Jean, màu xanh trắng; 01 (một) mũ bảo hiểm, màu xám đen; 01 (một) khẩu trang y tế, màu xanh (đã qua sử dụng); 01 (một) đôi dép bằng nhựa, màu đỏ - đen, là trang phục bị cáo D sử dụng trộm cắp tài sản, bị cáo không có yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng.

Đề nghị trả lại cho ông P 01 (một) xe mô tô biển số 71F5-8797 do thuộc quyền sở hữu của ông P, ông P không biết bị cáo D lấy xe đi trộm cắp tài sản.

Bị cáo D khai nhận hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo đồng ý với các kết luận định giá tài sản; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị cáo đã bồi thường xong cho các bị hại và đã trả lại tiền cho ông T. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P trình bày: Ông là cha ruột của bị cáo. Xe mô tô biển số 71F5-8797 là do ông mua của người khác, bị cáo D lấy đi trộm cắp tài sản, ông không biết. Nay ông xin nhận lại xe trên. Ông không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C trình bày: Bà là mẹ ruột của bị cáo D. Bị cáo D có tác động bà bồi thường cho các bị hại, bà đã bồi thường xong cho các bị hại thay cho bị cáo, bà không yêu cầu bị cáo trả lại các số tiền bà đã bồi thường cho các bị hại. Bà không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Võ Hoàng D và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Việc vắng mặt của các bị hại ông Đ, bà L, bà H và những người làm chứng ông S, ông T tại phiên tòa, bị cáo D và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt

những người này. Xét thấy, trong quá trình điều tra, những người này đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Bị cáo D có lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của các bị hại và những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với các kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh và các chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở xác định: Với động cơ vụ lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản người khác để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, từ ngày 17/12/2023 đến ngày 29/12/2023 trên địa bàn huyện G và huyện C1, tỉnh Bến Tre, bị cáo D là người đã bị kết án về “Tội trộm cắp tài sản” nhưng chưa được xóa án tích, đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác 04 lần với tổng trị giá tài sản là 4.320.000 (bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng (trong đó của bị hại ông Đ lần 01 là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng và lần 02 là 2.200.000 (hai triệu hai trăm nghìn) đồng; của bị hại bà H là 570.000 (năm trăm bảy mươi nghìn) đồng; của bị hại bà L là 1.050.000 (một triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng).

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo D người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ vụ lợi bị cáo đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại có tổng giá trị là 4.320.000 (bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng. Bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ.

Do đó, hành vi của bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo D là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo D là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng chủ sở hữu tài sản vắng mặt để thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo D gây ra.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo D đã bị kết án về “Tội trộm cắp tài sản”; bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và hành vi “Trộm cắp tài sản” nên xác định là có nhân thân xấu.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; đã

bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo D phạm tội hai lần trở lên và tái phạm. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo D gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Do bị cáo D đang chấp hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại ông Đ và bà L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo D bồi thường; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong cho bị hại bà H với số tiền là 570.000 (năm trăm bảy mươi nghìn) đồng và đã tác động gia đình trả lại số tiền là 900.000 (chín trăm nghìn) đồng cho ông T nên được ghi nhận.

Bà C (mẹ ruột bị cáo D) đã bồi thường thiệt hại xong cho bị hại bà H, trả lại tiền cho ông T thay cho bị cáo D, bà C không yêu cầu bị cáo D trả lại các số tiền này nên được ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) áo sơ mi tay dài, sọc caro màu hồng đỏ; 01 (một) quần “sọt” vải Jean, màu xanh trắng; 01 (một) mũ bảo hiểm, màu xám đen; 01 (một) khẩu trang y tế, màu xanh (đã qua sử dụng); 01 (một) đôi dép bằng nhựa, màu đỏ - đen, là trang phục bị cáo D sử dụng trộm cắp tài sản, bị cáo không có yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 71F5-8797 do thuộc quyền sở hữu của ông P, ông P không biết bị cáo D lấy xe đi trộm cắp tài sản nên trả lại xe này cho ông P.

[9] Đối với ông Nguyễn Thanh S, ông Trương Tấn T không biết tài sản do bị cáo D phạm tội mà có nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông S và ông T về “Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[10] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo D về tội danh; điều luật áp dụng; nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Võ Hoàng D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Hoàng D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Căn cứ vào Điều 56 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt với Bản án số 05/2024/HS-PT ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, buộc bị cáo Võ Hoàng D chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 02 (hai) năm 01 (một) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/3/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) áo sơ mi tay dài, sọc caro màu hồng đỏ; 01 (một) quần “sọt” vải Jean, màu xanh trắng; 01 (một) mũ bảo hiểm, màu xám đen; 01 (một) khẩu trang y tế, màu xanh (đã qua sử dụng); 01 (một) đôi dép bằng nhựa, màu đỏ - đen.

Trả lại cho ông Võ Thanh P 01 (một) xe mô tô biển số 71F5-8797.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/9/2024, hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre quản lý).

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Võ Hoàng D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND Phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến